

Số: 2452 /TCT-PCCS
V/v: chính sách thuế TNDN
GTGT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2005

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Kon Tum

Trả lời Công văn số 816 CT-THDT ngày 29/6/2005 của Cục Thuế tỉnh Kon Tum về các vướng mắc chính sách thuế; Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1) Về việc miễn, giảm thuế TNDN:

Việc miễn, giảm thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu theo Điều 39 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12 /2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN chỉ áp dụng đối với cơ sở kinh doanh hàng hoá xuất khẩu đang được hưởng ưu đãi theo Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP nêu trên.

Vì vậy, cơ sở kinh doanh thành lập năm 1999 và đã hết thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế TNDN ngày 10/5/1997 trước ngày 01/01/2004 thì năm 2004 cơ sở kinh doanh không thuộc diện áp dụng Điều 39 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP.

2) Về nguyên tắc thực hiện miễn, giảm thuế TNDN:

Tại Điều 47 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP nêu trên quy định: "Trong cùng một thời gian, nếu có một khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì cơ sở kinh doanh tự lựa chọn một trong những trường hợp miễn thuế, giảm thuế có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết."

Vì vậy trong một kỳ kinh doanh, cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc di chuyển địa điểm, phát sinh thu nhập thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế TNDN theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP đồng thời thuộc diện được giảm thuế TNDN tương ứng với mức chi phí cho lao động nữ theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP thì cơ sở kinh doanh được lựa chọn một trường hợp miễn thuế, giảm thuế có lợi nhất.

3) Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong trường hợp cơ quan thuế qua kiểm tra điều chỉnh giảm lỗ cơ sở kinh doanh:

Tại Điều 5 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: "Căn cứ tính thuế là thu nhập chịu thuế và thuế suất." và tại Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25/2/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực thuế quy định: “Hành vi trốn thuế là hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định của pháp luật về thuế làm giảm số thuế phải nộp ...”.

Vì vậy, trường hợp cơ sở kinh doanh báo cáo kết quả kinh doanh lỗ. Cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, loại ra khỏi chi phí tính thu nhập chịu thuế TNDN một số khoản chi không hợp lệ làm giảm lỗ nhưng cũng chưa phát sinh thu nhập chịu thuế nên không có số thuế TNDN phải nộp. Do vậy, không có căn cứ để truy thu và xử phạt về hành vi trốn thuế TNDN mà xử phạt vi phạm hành chính đối với các lĩnh vực có liên quan.

4) Về căn cứ pháp lý trong việc uỷ quyền quản lý doanh nghiệp tư nhân:

- Tại Điều 99, Luật Doanh nghiệp quy định: “Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.”

- Theo quy định của Bộ luật Dân sự, tại Khoản 3 Điều 96 quy định: “Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của pháp nhân nhân danh pháp nhân trong quan hệ dân sự.”; tại Khoản 3 Điều 102 quy định: “Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể uỷ quyền cho người khác thay mình thực hiện nhiệm vụ đại diện.” và tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 233 Bộ Luật dân sự quy định: “1- Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất. 2- Vợ, chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung...”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp tư nhân tuyên bố giải thể do chủ doanh nghiệp bị chấp hành án phạt tù giam. Trước khi bị kết án tù, chủ doanh nghiệp tư nhân (Giám đốc doanh nghiệp) lập giấy uỷ quyền cho vợ (Phó giám đốc doanh nghiệp) điều hành doanh nghiệp, ký các chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, tờ khai tính thuế, hồ sơ đề nghị hoàn thuế... là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, vợ (Phó giám đốc) là đại diện uỷ quyền được ký vào biên bản thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế.

5) Về thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hoạt động bán vườn cây:

Theo hướng dẫn tại điểm 3.27, Mục II, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT thì các nông trường bán vườn cây là tài sản cố định đang trong thời kỳ khai thác cho các hộ nông trường viên phải chịu thuế GTGT với thuế suất là 10%.

6) Về khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu thanh toán bù trừ:

Trường hợp thanh toán bù trừ đối với hàng xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% để khấu trừ hoặc hoàn thuế phải đảm bảo các điều kiện theo hướng dẫn tại tiết d3, điểm 1.2, Mục III, Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC, các trường hợp hàng hoá xuất khẩu, có xác nhận của hải quan là hàng thực xuất, thực hiện thanh toán bù trừ giữa các bên nhưng không đủ thủ tục, hồ sơ theo hướng dẫn trên thì không phải nộp thuế GTGT đầu ra. Số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ sử dụng sản xuất hàng xuất khẩu đơn vị không được khấu trừ mà hạch toán vào chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

7) Về việc áp dụng thuế GTGT đối với: Hàng hoá điều chuyển từ cơ sở kinh doanh ở Việt nam sang chi nhánh ở nước ngoài, tiền đền bù thiệt hại tài sản, Tổng cục Thuế ghi nhận để có văn hướng dẫn thực hiện chung.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế được biết và thực hiện./

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT, PCCS.3



Phạm Duy Khương